

## ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 1

## MÔN: TIẾNG ANH 9 ENGLISH DISCOVERY



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

## HƯỚNG DẪN GIẢI

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

|      |       |                     |               |       |               |              |
|------|-------|---------------------|---------------|-------|---------------|--------------|
| 1. B | 6. C  | 11. C               | 16. location  | 21. A | 26. C         | 31. rock     |
| 2. D | 7. D  | 12. B               | 17. siltstone | 22. A | 27. C         | 32. thirty   |
| 3. C | 8. A  | 13. B               | 18. layer     | 23. B | 28. D         | 33. slowly   |
| 4. A | 9. B  | 14. D               | 19. stone     | 24. B | 29. A         | 34. growing  |
| 5. A | 10. B | 15. U.S Highway 163 | 20. B         | 25. C | 30. rainwater | 35. grown-up |

36. John's parents are going to visit their best friend this weekend.
37. It was such a popular tourist attraction that all the hotels were fully booked.
38. Steve could possibly be offered that internship position.
39. Tràng An Grottoes is so beautiful that I have decided to return to this place next month.
40. I am going to give a presentation on natural wonders of the world next week as planned.

## HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

## 1. B

**Kiến thức:** Phát âm “o”**Giải thích:**A. colleague /'kɒl.i:ɡ/B. sociable /'səʊ.ʃə.bəl/C. column /'kɒl.əm/D. off /ɒf/

Phần được gạch chân ở phương án B được phát âm /əʊ/, các phương án còn lại phát âm /ɒ/.

Chọn B

## 2. D

**Kiến thức:** Phát âm “e”**Giải thích:**A. heritage /'her.i.tɪdʒ/B. spetacular /spek'tæk.jʊ.lə/C. flexible /'fleks.sɪ.bəl/D. experience /ɪk'spɪə.ri.əns/

Phần được gạch chân ở phương án D được phát âm /ɪ/, các phương án còn lại phát âm /e/.

Chọn D

## 3. C

**Kiến thức:** Trọng âm từ có 3 âm tiết

**Giải thích:**

- A. vacancy /'veɪ.kən.si/
- B. overtime /'əʊ.və.taɪm/
- C. adventure /əd'ven.tʃə/
- D. breathtaking /'breθ,teɪ.kɪŋ/

Phương án C có trọng âm 2, các phương án còn lại có trọng âm 1.

Chọn C

#### 4. A

**Kiến thức:** Trọng âm từ có 2 âm tiết

**Giải thích:**

- A. hotel /həʊ'tel/
- B. trekking /'trek.ɪŋ/
- C. plumber /'plʌm.ə/
- D. dentist /'den.tɪst/

Phương án A có trọng âm 2, các phương án còn lại có trọng âm 1.

Chọn A

#### 5. A

**Kiến thức:** Từ vựng

**Giải thích:**

- A border (n): đường biên giới
- B scenery (n): phong cảnh
- C adventure (n): cuộc phiêu lưu
- D attraction (n): điểm thu hút

It's in the northeast of the country, near the **border** with China.

(Nó nằm ở phía đông bắc của đất nước, gần biên giới với Trung Quốc.)

Chọn A

#### 6. C

**Kiến thức:** Từ vựng

**Giải thích:**

- A give (v): đưa
- B do (v): làm
- C take (v): lấy
- D make (v): làm

Cụm từ “take a boat tour”: đi bằng tàu

You can **take** a boat tour around the bay,

(Bạn có thể đi thuyền tham quan quanh vịnh,)

Chọn C

### 7. D

**Kiến thức:** Từ vựng

**Giải thích:**

A bays (n): vịnh

B edges (n): cạnh

C columns (n): cột

D cliffs (n): vách đá

You can join an adventure tour and go rock climbing on the **cliffs**.

(Bạn có thể tham gia một chuyến du lịch mạo hiểm và leo núi trên vách đá.)

Chọn D

### 8. A

**Kiến thức:** Từ vựng

**Giải thích:**

A checked (v): kiểm tra

B took (v): lấy

C had (v): có

D put (v): đặt

Cụm từ “check in”: làm thủ tục

The next morning, we **checked** in at the harbour

(Sáng hôm sau chúng tôi làm thủ tục tại bến cảng)

Chọn A

### 9. B

**Kiến thức:** Giới từ

**Giải thích:**

A out: ra

B on: trên

C in: trong

D up: lên

Cụm từ “get on”: lên tàu

The next morning, we checked in at the harbour and got **on** our boat.

(Sáng hôm sau, chúng tôi làm thủ tục tại bến cảng và lên thuyền.)

Chọn B

### 10. B

**Kiến thức:** Dạng động từ

**Giải thích:**

Theo sau động từ “spent” (*dành ra*) cần một động từ ở dạng V-ing.

We spent the day swimming, **kayaking**, and visiting some small islands.

(Chúng tôi dành cả ngày để bơi lội, chèo thuyền kayak và tham quan một số hòn đảo nhỏ.)

Chọn B

**11. C**

**Kiến thức:** Chia thì động từ

**Giải thích:**

Thì tương lai gần diễn tả một hành động chắc chắn xảy ra trong tương lai, đã lên kế hoạch từ trước.

Cấu trúc thì tương lai gần chủ ngữ số ít dạng khẳng định: S + is going + TO V<sub>o</sub> (nguyên thể).

My best friend really wants to do the same thing, so next month, she **is going to take** a trip there with her family. She has booked everything.

(Bạn thân nhất của tôi cũng rất muốn làm điều tương tự nên tháng sau cô ấy sẽ đi du lịch đến đó cùng gia đình. Cô ấy đã đặt trước mọi thứ.)

Chọn C

**12. B**

**Kiến thức:** Thì tương lai đơn

**Giải thích:**

Theo sau từ chỉ sự dự đoán “sure” (*chắc chắn*) cần dùng thì tương lai đơn: S + will + V<sub>o</sub> (nguyên thể).

I'm sure she **will love** it.

(Tôi chắc chắn cô ấy sẽ thích nó.)

Chọn B

**13. B**

**Kiến thức:** Từ vựng

**Giải thích:**

A culture (n): văn hóa

B cultural (adj): văn hóa

C culturally (adv): một cách văn hóa

D cultures (n): những nền văn hóa

Trước danh từ “heritage” (*di sản*) cần một tính từ.

Hạ Long Bay is not just a beautiful place to visit, it's also an important part of Việt Nam's **cultural** heritage.

(Vịnh Hạ Long không chỉ là một địa điểm tham quan đẹp mà còn là một phần di sản văn hóa quan trọng của Việt Nam.)

Chọn B

**14. D**

**Kiến thức:** Từ vựng

**Giải thích:**

A good (adj): tốt

B better (adj): tốt hơn

C best (adj): tốt nhất

D well (adv): tốt

Cụm từ “as well” (cũng)

There are many legends and stories about the bay, and there are several interesting historical sites there as **well**.

(Có rất nhiều truyền thuyết và câu chuyện về vịnh, đồng thời cũng có một số di tích lịch sử thú vị ở đó.)

Chọn D

**Bài hoàn chỉnh**

Việt Nam's Hạ Long Bay is a breathtaking place to get away from the busy city. It's in the northeast of the country, near the (5) **border** with China. The bay has about 2,000 islands and islets, and the water is green and clear. You can (6) **take** a boat tour around the bay, or you can join an adventure tour and go rock climbing on the (7) **cliffs**. There are also caves to explore.

We stayed in a hotel in Hạ Long City for one night before we joined our boat tour. The next morning, we (8) **checked** in at the harbour and got (9) **on** our boat. We spent the day swimming, (10) **kayaking**, and visiting some small islands. Then in the evening, we had dinner on the boat and watched the sunset over the bay. It was amazing! My best friend really wants to do the same thing, so next month, she (11) **is going to take** a trip there with her family. She has booked everything. I'm sure she (12) **will love** it.

Hạ Long Bay is not just a beautiful place to visit, it's also an important part of Việt Nam's (13) **cultural** heritage. There are many legends and stories about the bay, and there are several interesting historical sites there as (14) **well**.

**Tạm dịch**

Vịnh Hạ Long của Việt Nam là một nơi tuyệt vời để thoát khỏi thành phố bận rộn. Đó là ở phía đông bắc của đất nước, gần (5) biên giới với Trung Quốc. Vịnh có khoảng 2.000 đảo lớn nhỏ, nước trong xanh. Bạn có thể (6) tham gia một chuyến tham quan bằng thuyền quanh vịnh, hoặc bạn có thể tham gia một chuyến du lịch mạo hiểm và leo núi trên (7) vách đá. Ngoài ra còn có hang động để khám phá.

Chúng tôi ở trong một khách sạn ở thành phố Hạ Long một đêm trước khi tham gia chuyến tham quan bằng thuyền. Sáng hôm sau, chúng tôi (8) làm thủ tục tại bến cảng và (9) lên thuyền. Chúng tôi dành cả ngày để bơi lội, chèo thuyền kayak và thăm một số hòn đảo nhỏ. Sau đó vào buổi tối, chúng tôi ăn tối trên thuyền và ngắm hoàng hôn trên vịnh. Thật là tuyệt vời! Người bạn thân nhất của tôi thực sự muốn làm điều tương tự, vì vậy vào tháng tới, cô ấy (11) sẽ đi du lịch đến đó cùng gia đình. Cô ấy đã đặt trước mọi thứ. Tôi chắc chắn cô ấy (12) sẽ thích nó.

Vịnh Hạ Long không chỉ là một nơi tuyệt đẹp để tham quan mà còn là một phần quan trọng của di sản (13) văn hóa của Việt Nam. Có rất nhiều truyền thuyết và câu chuyện về vịnh, và có một số di tích lịch sử thú vị ở đó (14).

### 15. U.S Highway 163

**Kiến thức:** Đọc hiểu – Điền từ

**Giải thích:**

Tourists can get into the valley via the \_\_\_\_\_.

(Du khách có thể vào thung lũng qua \_\_\_\_\_.)

Sau mạo từ “the” cần dùng một danh từ.

U.S Highway 163: Đường cao tốc Hoa Kỳ 163

=> Tourists can get into the valley via the **U.S Highway 163**.

(Du khách có thể vào thung lũng qua Quốc lộ 163 của Hoa Kỳ.)

**Thông tin:** The valley lies within the range of the Navajo Nation Reservation, and is accessible from the U.S Highway 163.

(Thung lũng nằm trong phạm vi Khu bảo tồn Quốc gia Navajo và có thể đến được từ Quốc lộ Hoa Kỳ 163.)

Đáp án: U.S Highway 163.

### 16. location

**Kiến thức:** Đọc hiểu – Điền từ

**Giải thích:**

Monument Valley was selected as the \_\_\_\_\_ for John Ford’s movies.

(Thung lũng Monument được chọn \_\_\_\_\_ quay phim của John Ford.)

Sau mạo từ “the” cần dùng một danh từ.

location (n): vị trí

=> Monument Valley was selected as the **location** for John Ford’s movies.

(Thung lũng Monument được chọn làm địa điểm quay phim của John Ford.)

**Thông tin:** Monument Valley has been featured in many forms of media since the 1930s. Director John Ford used the location for a number of his best-known films.

(Thung lũng Monument đã được giới thiệu trên nhiều hình thức truyền thông kể từ những năm 1930. Đạo diễn John Ford đã sử dụng địa điểm này cho một số bộ phim nổi tiếng nhất của ông)

Đáp án: location

### 17. siltstone

**Kiến thức:** Đọc hiểu – Điền từ

**Giải thích:**

One major component of the foundation of the valley is \_\_\_\_\_.

(Một thành phần chính tạo nên nền tảng của thung lũng là \_\_\_\_\_.)

Sau động từ tobe “is” có thể là một tính từ hoặc một danh từ.



siltstone (n): *đá phiến sét*

=> One major component of the foundation of the valley is **siltstone**.

(*Một thành phần chính tạo nên nền tảng của thung lũng là đá phiến sét.*)

**Thông tin:** The floor is mainly siltstone of the Cutler Group, or sand derived from it.

(*Nền nhà chủ yếu là bột kết của Cutler Group, hoặc cát có nguồn gốc từ nó.*)

Đáp án: siltstone

### 18. layer

**Kiến thức:** Đọc hiểu – Điền từ

**Giải thích:**

There is one name for each **layer** of the rocks in the valley.

(*Mỗi \_\_\_\_\_ đá trong thung lũng đều có một tên gọi.*)

Theo sau lượng từ “each” (*mỗi*) cần một danh từ đếm được số ít.

layer (n): *tầng/ lớp*

=> There is one name for each **layer** of the rocks in the valley.

(*Mỗi lớp đá trong thung lũng đều có một tên gọi.*)

**Thông tin:** The lowest layer is the Organ Rock Shale, the middle is de Chelly Sandstone, and the top layer is the Moenkopi Formation capped by Shinarump Conglomerate.

(*Lớp thấp nhất là đá phiến Organ Rock, lớp giữa là cát kết de Chelly, và lớp trên cùng là sự hình thành Moenkopi được phủ bởi đá cuội Shinarump.*)

Đáp án: layer

### 19. stone

**Kiến thức:** Đọc hiểu – Điền từ

**Giải thích:**

The Eye of the Sun is one of the structures of \_\_\_\_\_ in the valley.

(*Eye of the Sun là một trong những công trình kiến trúc \_\_\_\_\_ ở thung lũng.*)

Theo sau giới từ “of” cần dùng một danh từ.

stone (n): *đá*

=> The Eye of the Sun is one of the structures of **stone** in the valley.

(*Eye of the Sun là một trong những công trình kiến trúc bằng đá ở thung lũng.*)

**Thông tin:** The valley includes large stone structures including the famed Eye of the Sun.

(*Thung lũng bao gồm các công trình kiến trúc bằng đá lớn, trong đó có Eye of the Sun nổi tiếng.*)

Đáp án: stone

### Tam dịch

*Monument Valley là một khu vực ở phía tây nam Hoa Kỳ. Nó nằm trên biên giới giữa Arizona và Utah, gần khu vực Four Corners. Thung lũng này nằm trong khu vực của Khu Dự trữ Navajo Nation và có thể tiếp cận từ Quốc lộ 163 của Mỹ. Monument Valley đã xuất hiện trong nhiều loại hình truyền thông kể từ thập niên*

1930. Đạo diễn John Ford đã sử dụng địa điểm này cho nhiều bộ phim nổi tiếng của ông, và theo lời của nhà phê bình Keith Phipps, "năm dặm vuông của nó đã định hình nên những gì hàng thập kỷ khán giả điện ảnh nghĩ đến khi họ tưởng tượng về miền Tây nước Mỹ." Khu vực này là một phần của Cao nguyên Colorado. Mực nước của thung lũng dao động từ 5.000 đến 6.000 feet (1.500 đến 1.800 mét) trên mực nước biển. Mặt đất chủ yếu là siltstone của nhóm Cutler, hoặc cát được sinh ra từ nó. Màu đỏ tươi của thung lũng đến từ oxit sắt được phơi bày trong lớp siltstone đã bị phong hóa. Những tảng đá tối màu, xám xanh trong thung lũng có màu sắc từ oxit mangan. Lớp thấp nhất là đá phiến Organ Rock, lớp giữa là cát kết de Chelly, và lớp trên cùng là sự hình thành Moenkopi được phủ bởi đá cuội Shinarump. Thung lũng này bao gồm những cấu trúc đá lớn, trong đó có Eye of the Sun nổi tiếng. Giữa những đặc điểm này và Công viên Bộ lạc Navajo Monument Valley được tham quan và chụp ảnh nhiều phía bắc, ngay qua biên giới ở Arizona, là Công viên Little Painted Desert County, nơi có những buttes và sa mạc tương tự.

## 20. B

**Kiến thức:** Đọc hiểu

**Giải thích:**

The passage is primarily about different well-paid jobs in the world.

(Đoạn văn chủ yếu nói về những công việc được trả lương cao khác nhau trên thế giới.)

**Thông tin:** What is a well-paid job? It is interesting to look at the different answers to this question in different countries.

(Công việc được trả lương cao là gì? Thật thú vị khi xem xét các câu trả lời khác nhau cho câu hỏi này ở các quốc gia khác nhau.)

Chọn B

## 21. A

**Kiến thức:** Đọc hiểu

**Giải thích:**

In South Korea and Japan, income earned by the two sexes is not equal.

(Ở Hàn Quốc và Nhật Bản, thu nhập của hai giới không bằng nhau.)

**Thông tin:** in South Korea, women earn 40% less than men. In Japan, women earn 30% less than men.

(ở Hàn Quốc, phụ nữ kiếm được ít hơn nam giới 40%. Ở Nhật Bản, phụ nữ kiếm được ít hơn nam giới 30%.)

Chọn A

## 22. A

**Kiến thức:** Đọc hiểu

**Giải thích:**

In America, one third of all the money goes to the wealthiest people.

(Ở Mỹ, một phần ba tổng số tiền rơi vào tay những người giàu có nhất.)

**Thông tin:** in the USA, the richest 10% of people get 36% of all the money, while the poorest 10% get only 1%.



(ở Mỹ, 10% người giàu nhất nhận được 36% tổng số tiền, trong khi 10% người nghèo nhất chỉ nhận được 1%.)

Chọn A

### 23. B

**Kiến thức:** Đọc hiểu

**Giải thích:**

In a British survey, a large number of people associated a well-paid job with money to get by.

(Trong một cuộc khảo sát ở Anh, rất nhiều người liên tưởng một công việc được trả lương cao với tiền để trang trải cuộc sống.)

**Thông tin:** in a study of 3,000 British workers, most people said that a well-paid job was a job that gave them a good work-life balance. This means a job that does not take all their time and energy, so they have time and energy for other things in their life, like their family and their hobbies.

(trong một nghiên cứu trên 3.000 công nhân Anh, hầu hết mọi người đều nói rằng một công việc được trả lương cao là công việc mang lại cho họ sự cân bằng tốt giữa công việc và cuộc sống. Điều này có nghĩa là một công việc không chiếm hết thời gian và sức lực của họ, vì vậy họ có thời gian và sức lực cho những việc khác trong cuộc sống, như gia đình và sở thích của họ.)

Chọn

### 24. B

**Kiến thức:** Đọc hiểu

**Giải thích:**

According to the passage, the desire to have a good salary does not affect the level of happiness at the workplace.

(Theo đoạn văn, mong muốn có mức lương tốt không ảnh hưởng đến mức độ hạnh phúc ở nơi làm việc.)

**Thông tin:** Of course, everyone wants a job that gives them enough money to live on, but if you only work for the money, you can become unhappy.

(Tất nhiên, mọi người đều muốn một công việc mang lại cho họ đủ tiền để sống, nhưng nếu bạn chỉ làm việc vì tiền, bạn có thể trở nên không hạnh phúc.)

Chọn B

**Tam dịch**

Công việc được trả lương cao là gì? Thật thú vị khi xem xét các câu trả lời khác nhau cho câu hỏi này ở các quốc gia khác nhau. Ở một số quốc gia, vẫn còn sự chênh lệch lớn về lương giữa nam và nữ. Ví dụ, ở nhiều quốc gia châu Âu, phụ nữ chỉ kiếm ít hơn 20% so với nam giới cho công việc tương tự. Nhưng ở Hàn Quốc, phụ nữ kiếm ít hơn 40% so với nam giới. Ở Nhật Bản, phụ nữ kiếm ít hơn 30% so với nam giới. Ở những quốc gia khác, sự khác biệt giữa người giàu và người nghèo là rất lớn. Ví dụ, ở Mỹ, 10% người giàu nhất nhận 36% tổng số tiền, trong khi 10% người nghèo nhất chỉ nhận 1%. Ở Mexico, 10% người giàu nhất nhận 34% tổng số tiền, trong khi 10% người nghèo nhất chỉ nhận 2%. Vậy, công việc được trả lương cao có phải là công

việc mang lại nhiều tiền hơn so với những người khác không? Không phải lúc nào cũng vậy. Công việc được trả lương cao thường là công việc mang lại đủ tiền để sống, nhưng nó cũng có thể là công việc mang lại những thứ khác mà bạn muốn. Ví dụ, trong một cuộc khảo sát với 3.000 công nhân người Anh, hầu hết mọi người cho rằng công việc được trả lương cao là công việc mang lại sự cân bằng giữa công việc và cuộc sống. Điều này có nghĩa là công việc không chiếm hết thời gian và năng lượng của họ, để họ có thời gian và năng lượng cho những việc khác trong cuộc sống như gia đình và sở thích. Những yếu tố quan trọng khác là tận hưởng công việc và cảm thấy rằng họ đang làm một việc hữu ích. Dĩ nhiên, ai cũng muốn có một công việc mang lại đủ tiền để sống, nhưng nếu bạn chỉ làm việc vì tiền, bạn có thể sẽ trở nên không hạnh phúc. Trong một nghiên cứu khác, các nhà nghiên cứu đã hỏi 1.500 công nhân điều gì làm họ hạnh phúc trong công việc. Ba yếu tố quan trọng nhất là được đối xử với sự tôn trọng từ cấp trên, làm việc tốt với đồng nghiệp và cảm thấy công việc của mình là quan trọng.

### **Bài nghe 1**

You know nature can create some pretty amazing stuff. We've got waterfalls and mountains and beaches and canyons. A Canyon is a deep gorge or gully in the earth. It usually has steep walls and most of the time, there's a river flowing at the bottom of it and one of the biggest canyons in the world is in the southwestern United States, the Grand Canyon in Arizona. How grand is the Grand Canyon? Well, say he took the tallest building in the world and stacked it on top of itself twice, the Grand Canyon is deeper than that, and it's also more than 450 kilometers long. That's so long that it would take you about four days to walk its length from end to end. How did it do that? A long time ago, the land where the Grand Canyon is was just a big flat landscape, but then water started to flow. The water flowed over the plain, picking up little pieces of dirt and rock as it went along. The water carried this stuff from one place to another, moving it downstream. It happened just one tiny piece at a time, but all really, really long time it made a big difference. A river can create something as big and breathtaking as the Grand Canyon because a river is always moving, so it's always eroding the rock, and when more water rushes through a river. That means it can pick up more stuff. A big flood can even move big heavy rocks and carry them down along the river; and all of these big moving rocks can act like chisels, carving away at the land and a series of big floods just like that made the Grand Canyon deeper and deeper and deeper.

### **Tam dịch**

Bạn biết đấy, thiên nhiên có thể tạo ra một số điều thực sự tuyệt vời. Chúng ta có thác nước, núi non, bãi biển và hẻm núi. Một hẻm núi là một khe sâu hoặc thung lũng lớn trên mặt đất. Nó thường có các bức tường dốc và hầu hết thời gian, có một con sông chảy dưới đáy. Một trong những hẻm núi lớn nhất thế giới nằm ở phía tây nam Hoa Kỳ, đó là Grand Canyon ở bang Arizona.

Grand Canyon lớn đến mức nào? Hãy tưởng tượng bạn lấy tòa nhà cao nhất thế giới và xếp chồng nó lên chính nó hai lần, thì Grand Canyon còn sâu hơn thế, và nó dài hơn 450 km. Nó dài đến mức nếu bạn đi bộ từ đầu này đến đầu kia, sẽ mất khoảng bốn ngày.

Làm thế nào mà nó hình thành được như vậy? Cách đây rất lâu, vùng đất nơi Grand Canyon tọa lạc chỉ là một khu vực đồng bằng bằng phẳng, nhưng sau đó nước bắt đầu chảy. Dòng nước chảy qua đồng bằng, mang theo những hạt đất và đá nhỏ khi nó đi qua. Dòng nước này đã di chuyển những thứ đó từ nơi này đến nơi khác, xuôi dòng chảy. Điều này xảy ra từng chút một, nhưng qua một khoảng thời gian rất dài, nó tạo ra một sự thay đổi lớn.

Một con sông có thể tạo ra thứ gì đó lớn và ngoạn mục như Grand Canyon bởi vì dòng sông luôn chuyển động, và vì vậy, nó luôn làm mòn đá. Khi có nhiều nước chảy xiết qua sông, điều đó có nghĩa là nó có thể mang theo nhiều vật liệu hơn. Một trận lụt lớn thậm chí có thể di chuyển những tảng đá lớn nặng và mang chúng xuôi theo dòng sông; và tất cả những tảng đá lớn đang di chuyển này có thể hoạt động như những chiếc đục, khắc vào đất đá. Một loạt các trận lụt lớn như vậy đã làm cho Grand Canyon ngày càng sâu hơn, sâu hơn và sâu hơn nữa.

## 25. C

**Kiến thức:** Nghe hiểu

**Giải thích:**

Các bức tường của hẻm núi nhìn chung như thế nào?

- A. mịn màng
- B. dốc
- C. mỏng
- D. dày

**Thông tin:** A Canyon is a deep gorge or gully in the earth. It usually has steep walls

(Hẻm núi là một hẻm núi sâu hoặc rãnh trong lòng đất. Nó thường có những bức tường dốc)

Chọn C

## 26. C

**Kiến thức:** Nghe hiểu

**Giải thích:**

Grand Canyon của Hoa Kỳ nằm ở hướng nào?

- A. Nam
- B. Tây
- C. Tây Nam
- D. Đông Nam

**Thông tin:** one of the biggest canyons in the world is in the southwestern United States, the Grand Canyon in Arizona.

(một trong những hẻm núi lớn nhất thế giới nằm ở phía tây nam Hoa Kỳ, Grand Canyon ở Arizona.)

Chọn C

## 27. C

**Kiến thức:** Nghe hiểu

**Giải thích:**

Grand Canyon dài bao nhiêu?

- A. 415 km
- B. 405 km
- C. 450 km
- D. 455 km

**Thông tin:** the Grand Canyon is deeper than that, and it's also more than 450 kilometers long.

*(Grand Canyon sâu hơn thế và nó cũng dài hơn 450 km.)*

Chọn C

**28. D**

**Kiến thức:** Nghe hiểu

**Giải thích:**

Điều nào sau đây đúng về hoạt động của nước ở đáy Grand Canyon cách đây rất lâu?

- A. Nó chảy rất nhanh.
- B. Nó chở rất nhiều tảng đá lớn.
- C. Nó di chuyển vào những thời điểm nhất định trong năm.
- D. Nó liên tục làm xói mòn tảng đá.

**Thông tin:** A river can create something as big and breathtaking as the Grand Canyon because a river is always moving, so it's always eroding the rock.

*(Một dòng sông có thể tạo ra thứ gì đó to lớn và ngoạn mục như Grand Canyon bởi vì dòng sông luôn chuyển động nên nó luôn bào mòn đá.)*

Chọn D

**29. A**

**Kiến thức:** Nghe hiểu

**Giải thích:**

Điều gì đã khiến Grand Canyon sâu hơn?

- A. trận lũ lụt
- B. gió
- C. sức nóng
- D. vụ nổ

**Thông tin:** A big flood can even move big heavy rocks and carry them down along the river; and all of these big moving rocks can act like chisels, carving away at the land and a series of big floods just like that made the Grand Canyon deeper and deeper and deeper.

*(Một trận lũ lớn thậm chí có thể cuốn trôi những tảng đá to nặng và trôi theo dòng sông; và tất cả những tảng đá lớn di chuyển này có thể hoạt động giống như những chiếc đục, khắc vào đất liền và một loạt trận lũ lớn như thế đã khiến Grand Canyon ngày càng sâu hơn.)*

Chọn A

### **Bài nghe 2**

But the Grand Canyon isn't just deep, it's wide too. What makes it so wide? Erosion again and water again. But this time it's rainwater. When it rains, water flows down from the sides of the Canyon, acting like a bunch of teeny tiny rivers, picking up more pieces of rock and making the Canyon wider. Today, the Grand Canyon is almost thirty kilometres across at its widest point. That's like thirty football fields. But even with the occasional big flood or heavy rain, it still takes a really, really long time to make a Canyon as long and wide and deep as the Grand Canyon. Scientists are pretty sure that the canyons started forming five to six hundred thousand years ago, so erosion happens very slowly. Sometimes it happens so slowly we can't even see it working, but sometimes we can. When you see a rock moving with water in a stream, that's erosion. When you see a river full of muddy water, that's erosion, too. All those pieces of dirt in the river are flowing with the water moving from one place to another; and since the Colorado River is still flowing, erosion is still happening, which means the Grand Canyon is still growing. Kind of like you. Thanks for joining us on Scishow Kids. Do you have a question about space or animals or anything else? Get help from a grown-up and let us know in the comments below or send us an e-mail to kids@theshow.com and we'll see you next time.

### **Tạm dịch**

*Nhưng Grand Canyon không chỉ sâu, mà nó còn rất rộng. Điều gì khiến nó rộng như vậy? Vẫn là sự xói mòn và vẫn là nước, nhưng lần này là nước mưa. Khi trời mưa, nước chảy xuống từ các mặt của hẻm núi, hoạt động như một loạt các con sông nhỏ xíu, mang theo nhiều mảnh đá và làm cho hẻm núi rộng hơn. Ngày nay, Grand Canyon rộng gần 30 km tại điểm rộng nhất của nó. Điều đó giống như 30 sân bóng đá.*

*Nhưng ngay cả với những trận lụt lớn hoặc những cơn mưa nặng hạt thỉnh thoảng xảy ra, cũng cần một khoảng thời gian rất, rất dài để tạo ra một hẻm núi dài, rộng và sâu như Grand Canyon. Các nhà khoa học khá chắc chắn rằng hẻm núi bắt đầu hình thành từ năm đến sáu trăm ngàn năm trước, vì vậy xói mòn xảy ra rất chậm. Đôi khi, nó xảy ra chậm đến mức chúng ta thậm chí không thể nhìn thấy quá trình này, nhưng đôi khi, chúng ta có thể. Khi bạn thấy một hòn đá di chuyển theo dòng nước trong một con suối, đó là xói mòn. Khi bạn thấy một dòng sông đầy nước đục, đó cũng là xói mòn. Tất cả những mảnh đất trong dòng sông đang chảy theo nước, di chuyển từ nơi này đến nơi khác; và vì sông Colorado vẫn đang chảy, quá trình xói mòn vẫn đang diễn ra, điều đó có nghĩa là Grand Canyon vẫn đang phát triển, giống như bạn vậy.*

*Cảm ơn bạn đã tham gia cùng chúng tôi trên Scishow Kids. Bạn có câu hỏi nào về không gian, động vật hoặc bất cứ điều gì khác không? Hãy nhờ người lớn giúp bạn để lại câu hỏi trong phần bình luận bên dưới hoặc gửi email cho chúng tôi tại kids@theshow.com, và hẹn gặp lại các bạn vào lần tới!*

### **30. rainwater**

**Kiến thức:** Nghe hiểu – Điền từ

**Giải thích:**

The Grand Canyon's wideness is due to erosion and\_\_\_\_\_.



(Sự rộng lớn của Grand Canyon là do xói mòn và \_\_\_\_\_.)

“and” (và) nối hai từ loại giống nhau.

Trước “and” là danh từ “erosion” (sự xói mòn) nên vị trí trống cũng cần một danh từ.

rainwater (n): nước mưa

=> The Grand Canyon's wideness is due to erosion and **rainwater**.

(Sự rộng lớn của Grand Canyon là do xói mòn và nước mưa.)

**Thông tin:** What makes it so wide? Erosion again and water again. But this time it's rainwater.

(Điều gì làm cho nó rộng như vậy? Lại là xói mòn và nước. Nhưng lần này là nước mưa.)

Đáp án: rainwater

### 31. rock

**Kiến thức:** Nghe hiểu – Điền từ

**Giải thích:**

which acts as tiny rivers, picking up more \_\_\_\_\_ pieces and making the canyon wider.

(hoạt động như những dòng sông nhỏ, cuốn thêm những mảnh \_\_\_\_\_ và làm cho hẻm núi rộng hơn.)

Trước danh từ “pieces” (miếng) cần một danh từ để tạo thành cụm danh từ có nghĩa.

rock (n): đá

=> which acts as tiny rivers, picking up more **rock** pieces and making the canyon wider.

(hoạt động như những dòng sông nhỏ, cuốn thêm những mảnh đá và làm cho hẻm núi rộng hơn.)

**Thông tin:** When it rains, water flows down from the sides of the Canyon, acting like a bunch of teeny tiny rivers, picking up more pieces of rock and making the Canyon wider.

(Khi trời mưa, nước từ hai bên hẻm núi chảy xuống, hoạt động như những dòng sông nhỏ xíu, cuốn thêm những mảnh đá và khiến hẻm núi rộng hơn.)

Đáp án: rock

### 32. thirty

**Kiến thức:** Nghe hiểu – Điền từ

**Giải thích:**

It is almost \_\_\_\_\_ kilometres wide at its widest point.

(Nó rộng gần \_\_\_\_\_ km tại điểm rộng nhất.)

Chỗ trống cần điền một số đếm.

thirty: 30

=> It is almost **thirty** kilometres wide at its widest point.

(Nó rộng gần ba mươi km tại điểm rộng nhất.)

**Thông tin:** Today, the Grand Canyon is almost thirty kilometres across at its widest point.

(Ngày nay, Grand Canyon có chiều ngang gần ba mươi km tại điểm rộng nhất.)

Đáp án: thirty

### 33. slowly



**Kiến thức:** Nghe hiểu – Điền từ

**Giải thích:**

The canyon's formation took 5 to 6 million years, and erosion occurs \_\_\_\_\_.

(Sự hình thành của hẻm núi mất từ 5 đến 6 triệu năm và quá trình xói mòn diễn ra \_\_\_\_\_.)

Sau động từ “occur” (diễn ra) cần một trạng từ bổ nghĩa.

slowly (adv): một cách chậm rãi

=> The canyon's formation took 5 to 6 million years, and erosion occurs **slowly**.

(Sự hình thành của hẻm núi mất từ 5 đến 6 triệu năm và quá trình xói mòn diễn ra chậm.)

**Thông tin:** Scientists are pretty sure that the canyons started forming five to six hundred thousand years ago, so erosion happens very slowly.

(Các nhà khoa học khá chắc chắn rằng các hẻm núi bắt đầu hình thành từ 5 đến 600 nghìn năm trước, do đó quá trình xói mòn diễn ra rất chậm.)

Đáp án: slowly

### 34. growing

**Kiến thức:** Nghe hiểu – Điền từ

**Giải thích:**

The Colorado River continues to flow, indicating that the canyon is still \_\_\_\_\_, similar to the Colorado River.

(Sông Colorado tiếp tục chảy, cho thấy hẻm núi vẫn đang \_\_\_\_\_, tương tự như sông Colorado.)

Theo sau động từ to be “is” cần một động từ ở dạng V-ing diễn tả hành động đang xảy ra.

growing (V-ing): phát triển

=> The Colorado River continues to flow, indicating that the canyon is still **growing**, similar to the Colorado River.

(Sông Colorado tiếp tục chảy, cho thấy hẻm núi vẫn đang phát triển, tương tự như sông Colorado.)

**Thông tin:** since the Colorado River is still flowing, erosion is still happening, which means the Grand Canyon is still growing.

(vì sông Colorado vẫn chảy nên xói mòn vẫn đang diễn ra, điều đó có nghĩa là Grand Canyon vẫn đang phát triển.)

Đáp án: growing

### 35. grown-up

**Kiến thức:** Nghe hiểu – Điền từ

**Giải thích:**

For more questions about space, animals, or other topics, contact a \_\_\_\_\_ or email kids at thescishow.com.

(Nếu có thêm câu hỏi về không gian, động vật hoặc các chủ đề khác, hãy liên hệ với \_\_\_\_\_ hoặc gửi email cho trẻ em tại thescishow.com.)

Sau mạo từ “a” cần một danh từ đếm được số ít.

grown-up (n): người lớn/ người trưởng thành

=> For more questions about space, animals, or other topics, contact a **grown-up** or email kids at thescishow.com.

(Nếu có thêm câu hỏi về không gian, động vật hoặc các chủ đề khác, hãy liên hệ với người lớn hoặc gửi email cho trẻ em tại thescishow.com.)

**Thông tin:** Get help from a grown-up and let us know in the comments below or send us an e-mail to kids@theshow.com.

(Nhận trợ giúp từ người lớn và cho chúng tôi biết trong phần nhận xét bên dưới hoặc gửi email cho chúng tôi đến Kids@theshow.com.)

Đáp án: grown-up

### **Bài hoàn chỉnh**

The Grand Canyon's wideness is due to erosion and (30) **rainwater**, which acts as tiny rivers, picking up more (31) **rock** pieces and making the canyon wider. It is almost (32) **thirty** kilometres wide at its widest point. The canyon's formation took 5 to 6 million years, and erosion occurs (33) **slowly**. The Colorado River continues to flow, indicating that the canyon is still (34) **growing**, similar to the Colorado River. For more questions about space, animals, or other topics, contact a (35) **grown-up** or email kids at thescishow.com.

### **Tạm dịch**

Độ rộng của Grand Canyon là do xói mòn và (30) nước mưa, hoạt động như những dòng sông nhỏ, nhặt thêm (31) mảnh đá và làm cho hẻm núi rộng hơn. Nó rộng gần như (32) ba mươi km tại điểm rộng nhất của nó. Sự hình thành của hẻm núi mất 5 đến 6 triệu năm, và xói mòn xảy ra (33) từ từ. Sông Colorado tiếp tục chảy, cho thấy hẻm núi vẫn còn (34) phát triển, tương tự như sông Colorado. Nếu có thêm câu hỏi về không gian, động vật hoặc các chủ đề khác, hãy liên hệ với (35) người lớn hoặc gửi email cho trẻ em tại thescishow.com.

**36.**

**Kiến thức:** Thì tương lai gần

**Giải thích:**

Thì tương lai gần diễn tả hành động chắc chắn xảy ra trong tương lai, có kế hoạch từ trước.

Cấu trúc thì tương lai gần chủ ngữ số nhiều: S + are going + TO V<sub>o</sub> (nguyên thể).

John's parents have made plans to visit their best friend this weekend.

(Cha mẹ của John đã lên kế hoạch đến thăm người bạn thân nhất của họ vào cuối tuần này.)

**Đáp án:** John's parents are going to visit their best friend this weekend.

(Bố mẹ của John sẽ đi thăm bạn thân của họ vào cuối tuần này.)

**37.**

**Kiến thức:** Mệnh đề kết quả “so/ such...that”

**Giải thích:**

Cấu trúc viết câu với “such...that” (*quá...nên*) với chủ ngữ số ít thì quá khứ đơn: It + was + such + a/ an + tính từ + danh từ số ít + that + S + V2/ed.

The tourist attraction was so popular that all the hotels were fully booked.

(Địa điểm du lịch nổi tiếng đến mức tất cả các khách sạn đều đã được đặt kín chỗ.)

**Đáp án:** It was such a popular tourist attraction that all the hotels were fully booked.

(Đó là một điểm thu hút khách du lịch nổi tiếng đến nỗi tất cả các khách sạn đều đã được đặt kín chỗ)

**38.**

**Kiến thức:** Động từ khuyết thiếu

**Giải thích:**

Cấu trúc viết câu đưa ra dự đoán với trạng từ “possibly” (*có thể*): S + could + possibly + Vo (nguyên thể).

It’s possible for Steve to be offered that internship position.

(Steve có thể được mời làm vị trí thực tập đó.)

**Đáp án:** Steve could possibly be offered that internship position.

(Steve có thể được mời làm vị trí thực tập đó.)

**39.**

**Kiến thức:** Mệnh đề kết quả với “so...that”

**Giải thích:**

Cấu trúc viết câu với “so...that” (*quá...nên*) với chủ ngữ số ít thì hiện tại đơn: S + is + so + tính từ + that + S + V.

Tràng An Grottoes is very beautiful. I have decided to return to this place next month

(Hang động Tràng An rất đẹp. Tôi đã quyết định quay lại nơi này vào tháng tới)

**Đáp án:** Tràng An Grottoes is so beautiful that I have decided to return to this place next month.

(Hang động Tràng An đẹp đến nỗi tôi quyết định quay lại nơi này vào tháng tới.)

**40.**

**Kiến thức:** Thì tương lai gần

**Giải thích:**

Thì tương lai gần diễn tả hành động chắc chắn xảy ra trong tương lai, có kế hoạch từ trước.

Cấu trúc thì tương lai gần chủ ngữ số nhiều “I” : S + am going + TO Vo (nguyên thể).

As planned, it’s my turn to give a presentation on natural wonders of the world next week.

(Theo kế hoạch, tuần tới sẽ đến lượt tôi thuyết trình về kỳ quan thiên nhiên thế giới.)

**Đáp án:** I am going to give a presentation on natural wonders of the world next week as planned.

(Tôi sẽ thuyết trình về kỳ quan thiên nhiên thế giới vào tuần tới theo kế hoạch.)